

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 22/2020/HS-ST
Ngày 24/6/2020

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hưng và ông Phạm Văn Miên.

Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/HSST ngày 26/5/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Minh Q, sinh năm 1982 tại huyện Đ, tỉnh H; địa chỉ: thôn T, xã ID, huyện Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông;

trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu T (đã chết) và bà Phạm Thị H (đã chết); bị cáo có vợ tên Văn Thị B và có 03 con; tiền án, không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Anh Trần Minh H, địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G (có đơn vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1) Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn T, xã ID, huyện Đ, tỉnh G (có đơn vắng mặt);

2) Chị Ngô Thị H, sinh năm 1994, địa chỉ: thôn T, xã ID, huyện Đ, tỉnh G (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 28/02/2020 khi trên đường đi làm rẫy về, Lê Minh Q thấy có nhiều bao xi măng trong vườn rẫy của anh Phạm Thành C (tại thôn Đoàn Kết, xã ID, huyện Đ, tỉnh G) mà không có người trông coi, nên Q đã nảy sinh ý

định lấy trộm xi măng để bán lại cho chị Ngô Thị H và chị Nguyễn Thị Hồng V (do trước đó chị H và chị V có nhờ Q mua hộ xi măng về để đổ đường đi). Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS): 81U1 -187.92 đến vườn rẫy nhà anh C, leo qua hàng rào vát 03 bao xi măng (nhãn hiệu Long Sơn, loại bao 50kg), điều khiển xe chở về nhà chị Ngô Thị H, sau đó Q tiếp tục quay lại lấy tiếp 03 bao xi măng đưa về nhà chị H và bán cho chị H 06 bao xi măng được 360.000 đồng. Sau đó, Q tiếp tục đi 02 chuyến chở thêm 06 bao xi măng mang về nhà cất giấu. Khi trộm cắp xi măng, Q thấy chiếc máy đầm đất, động cơ xăng, để ở gần vị trí những bao xi măng nên Q quay lại trộm chiếc máy đầm mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 5 giờ sáng ngày 29/02/2020 Q mang 06 bao xi măng sang bán cho chị Nguyễn Thị Hồng V được 360.000 đồng.

Kết luận định giá số 09/KL-HĐ ngày 06/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận:

- 01 chiếc máy đầm đất, động cơ xăng, loại cầm tay nhãn hiệu Yokohama, GX160-5,5HP, có giá có giá 6.622.500 đồng.

- 12 bao xi măng đặc điểm giống nhau, nhãn hiệu Long Sơn, loại bao 50kg tại thời điểm ngày 28/02/2020 có giá 1.020.000 đồng (mỗi bao có giá 85.000 đồng).

Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 7.642.500 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số: 18/CT- VKS ngày 25/5/2020 của Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo Lê Minh Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Minh Q phạm tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị áp khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh Q từ 9 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận.

Đối với 720.000 đồng do Lê Minh Q tự nguyện giao nộp, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Q nên đề nghị trả lại cho bị cáo. 150.000 đồng do chị Ngô Thị H tự nguyện giao nộp, 150.000 đồng do chị Nguyễn Thị Hồng V tự nguyện giao nộp. Chị V, chị H không có yêu cầu trả lại nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính hợp pháp của tài liệu chứng cứ: bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến gì đối với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để nhận định các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, Kiểm sát viên thu thập, do những người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[3] Bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có căn cứ để nhận định:

Ngày 28/02/2020 Lê Minh Q có hành vi trộm cắp 12 bao xi măng nhãn hiệu Long Sơn và 01 chiếc máy đầm đất, động cơ xăng, loại cầm tay nhãn hiệu Yokohama, GX160-5,5HP của anh Trần Minh H tại thôn Đoàn Kết, xã ID, huyện Đ, tỉnh G. Tổng tài sản bị cáo trộm cắp trị giá 7.642.500 đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi do cố ý, khi thực hiện hành vi đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực hành vi. Hành vi của bị cáo Lê Minh Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy Cáo trạng đã truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Thấy rằng, quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác đều phải được xử lý. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Trần Minh H, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội cần được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo tự nguyện đầu thú; gia đình thuộc hộ nghèo, có bố là người có công với cách mạng được tặng huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất; bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nH tH: bị cáo có nH tH tốt.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, nH tH của bị cáo, thấy rằng, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị ở mức thấp của khung hình phạt (7.642.500 đồng), đã được thu hồi trả lại toàn bộ cho bị hại. Bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nH tH tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên cần thiết xử phạt tù, cho hưởng án treo, giao bị cáo cho UBND xã ID nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho

xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[5] Đối với những người có liên quan:

Ngày 28/02/2020, chị Ngô Thị H đã mua của bị cáo 06 bao xi măng với giá 360.000 đồng, ngày 29/02/2020, chị Nguyễn Thị Hồng V đã mua của bị cáo 06 bao xi măng với giá 360.000 đồng. Khi mua xi măng, chị H và chị V đều không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Sau khi mua xi măng, chị H và chị V đã sử dụng hết. Hành vi của chị H và chị V không phạm tội.

Chị Văn Thị Bình (là vợ của bị cáo) là người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS: 81U1 -187.92. Khi bị cáo sử dụng chiếc xe này làm phương tiện chuyên chở tài sản trộm cắp chị B hoàn toàn không biết. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe này cho chị B là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: anh Trần Minh H đã nhận lại tài sản bị mất là chiếc máy đầm. Riêng 12 bao xi măng trị giá 1.020.000 đồng không thu hồi được, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh 1.500.000 đồng. Anh H không có yêu cầu gì, đồng thời có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về bồi thường dân sự.

[7] Về vật chứng vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với 720.000 đồng do bị cáo Q tự nguyện giao nộp, 150.000 đồng do chị Ngô Thị H tự nguyện giao nộp, 150.000 đồng do chị Nguyễn Thị Hồng V tự nguyện giao nộp. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, chị H và chị V. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị được trả lại. Chị H, chị V không có yêu cầu trả lại. Do đó, trả lại cho bị cáo Q 720.000 đồng, tịch thu sung quỹ nhà nước 150.000 đồng của chị H, 150.000 đồng của chị V.

[8] Về án phí: bị cáo chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Lê Minh Q** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Minh Q** 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/6/2020).

Giao bị cáo **Lê Minh Q** cho UBND xã ID, huyện Đ, tỉnh G giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết.

3. Về số tiền vật chứng án: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Số tiền 1.020.000 đồng (một triệu không tám hai mươi nghìn đồng), tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ) được xử lý như sau:

- Trả lại cho bị cáo Lê Minh Q 720.000 đồng;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 300.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

5. Các vấn đề khác: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- VKS; CA;
- TAND tỉnh G;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người LQ;
- Sở tư pháp;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng